

Bản án số: 11/2024/DS-ST

Ngày 05-09-2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KỲ ANH, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Văn Tư

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đình Hùng và bà Hoàng Thị Thu Lâm

- Thư ký phiên tòa: Phan Thị Khánh Huyền - Thư ký TAND thị xã Kỳ Anh.

- Đại diện VKSND thị xã Kỳ Anh tham gia phiên tòa: Bà Quách Thùy L - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 24/2024/TLST-DS ngày 28/5/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXXST-DS ngày 02/8/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm: 1982;

Địa chỉ: D, phường B, quận H, thành phố Hà Nội (có mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm: 1949;

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Xuân L2, sinh năm: 1987; địa chỉ: Tổ dân phố B, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh; Căn cước công dân số: 042087001538 do Cục C về TTXH cấp ngày 10/4/2021; (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 29/5/2024), (có mặt)

- Người làm chứng:

1. Bà Lê Thị H1, sinh năm: 1972; Địa chỉ: Số C T, phường P, quận H, thành phố Hà Nội (có mặt)

2. Bà **Lê Thị L3**, sinh năm 1971; địa chỉ: **Tổ dân phố T, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh** (có mặt)

3. Bà **Trần Thị Mỹ L4**; địa chỉ: **Tổ dân phố T, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh** (vắng mặt)

4. Bà **Phạm Thị Thúy H2**, sinh năm 1981; địa chỉ: **Tổ dân phố T, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh** (có mặt)

5. Ông **Phùng Văn N**; địa chỉ: **Tổ dân phố T, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh** (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà **Lê Thị H** trình bày:*

Do chỗ quen biết, nên khi bà **Nguyễn Thị L1** ngỏ lời muốn vay tiền, bà **Lê Thị H** đồng ý cho bà **Nguyễn Thị L1** vay tổng cộng số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng), cụ thể: Bà **Nguyễn Thị L1** vay số tiền 50.000.000 đồng cho con trai là ông **Phùng Văn N** nộp tiền thuế phí và lệ phí về đất tuy nhiên tại thời điểm này do tin tưởng nên hai bên không viết giấy vay nợ. Sau đó bà **Nguyễn Thị L1** ngỏ lời muốn vay thêm 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) nên ngày 07/10/2023, bà **Lê Thị H** và bà **Nguyễn Thị L1** cùng lập giấy vay tiền với số tiền 150.000.000 đồng vay vào thời điểm đó và ghi thêm số tiền 50.000.000 đồng trước đó bà **L1** đã vay, như vậy, tại Giấy vay tiền lập ngày 07/10/2023, bà **Lê Thị H** đã cho bà **Nguyễn Thị L1** vay tổng số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) có sự chứng kiến của con trai bà **L1** là ông **Phùng Văn N** và con dâu bà **L1** là bà **Phạm Thúy H2**.

Sau một thời gian, bà **Nguyễn Thị L1** tiếp tục đề nghị muốn vay số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Sau nhiều lần trao đổi, ngày 06/11/2023, tại nhà riêng của bà **Lê Thị L3**, bà **Lê Thị H** và bà **Nguyễn Thị L1** lập giấy vay tiền và bà **Lê Thị H** cho bà **Nguyễn Thị L1** vay số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) có sự làm chứng của bà **Lê Thị L3** và con bà **L3** là chị **Trần Thị Mỹ L4**. Để làm tin, bà **Nguyễn Thị L1** đã gửi lại cho bà **Lê Thị H** 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC446951, thửa đất số 85, tờ bản đồ số 125, diện tích 1027m² tại **tổ dân phố T, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh** mang tên bà **Nguyễn Thị L1**.

Cả hai lần vay, các bên không thỏa thuận về thời hạn trả tiền nhưng bà **Nguyễn Thị L1** đều cam kết lúc nào lấy được đền bù kè Sông Trí, bà **Nguyễn Thị L1** thanh toán hết số tiền cho bà **Lê Thị H**. Các lần cho vay trên các bên đều cho vay bằng tiền mặt.

Qua một số thông tin, khi biết bà Nguyễn Thị L1 đã được nhận tiền đền bù kè Sông T, bà Lê Thị H đã nhiều lần đến trực tiếp và gọi điện cho bà Nguyễn Thị L1, đề nghị bà Nguyễn Thị L1 trả tiền cho bà theo cam kết nhưng bà L1 lẩn tránh, không hợp tác và không đồng ý trả tiền cho bà. Nay bà Lê Thị H đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị L1 trả số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi theo quy định của Ngân hàng N1. Ngày 01/8/2024, bà H xin rút phần yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền gốc kể từ khi vay cho đến khi xét xử vụ án như yêu cầu tại đơn khởi kiện.

Tại văn bản trình bày ý kiến, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Nguyễn Thị L1 và người đại diện cho bị đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị L1 thừa nhận bà có ký vào các giấy vay tiền lập ngày 07/10/2023 và lập ngày 06/11/2023, tuy nhiên bị đơn cho rằng bản chất của việc lập các giấy vay tiền này là không đúng với thực tế, cụ thể:

Vào năm 2020, bà Lê Thị H và chị gái là bà Lê Thị H1 có đến mua của bà L1 một thửa đất tách ra từ thửa đất số 85, tờ bản đồ số 125 tại tổ dân phố T, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh với số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng). Tuy nhiên đến thời điểm hẹn trả đủ tiền thì bà Lê Thị H1 đề nghị giữ lại số tiền 100.000.000 đồng để nhận làm GCNQSDĐ cho con trai bà L1 là ông Phùng Văn N nên bà Lê Thị H và Lê Thị H1 chỉ trả cho bà Nguyễn Thị L1 tổng số tiền 400.000.000 đồng.

Sau đó bà Lê Thị H1 có đề nghị bà Nguyễn Thị L1 đưa thêm tổng số tiền 90.000.000 đồng để tiếp tục làm bìa đỏ và nhận bìa đỏ, cụ thể, lần một bà H1 yêu cầu bà L1 đưa số tiền 40.000.000 đồng; lần hai, bà Lê Thị H1 yêu cầu bà L1 đưa thêm 50.000.000 đồng để nộp thuế tại Kho bạc nhà nước. Bà Lê Thị H là người cho bà Nguyễn Thị L1 vay 50.000.000 đồng và cùng ông Phùng Văn N đến Kho bạc Nhà nước để nộp số tiền 50.000.000 đồng này và lấy GCNQSDĐ về.

Khi biết tin có dự án đền bù kè Sông T, bà Lê Thị H1 có đến gặp bà Nguyễn Thị L1 và trao đổi rằng đất của bà L1 không nằm trong diện được công nhận đất trước năm 1980 nên chỉ được đền bù 35.000.000 đồng, nếu bà L1 đưa 150.000.000 đồng thì bà H1 sẽ giúp bà L1 nhận được số tiền đền bù là 590.000.000 đồng. Do không hiểu biết về pháp luật nên bà Nguyễn Thị L1 đồng ý và ký vào giấy vay tiền lập ngày 07/10/2023 số tiền 150.000.000 đồng và cộng thêm 50.000.000 đồng lần trước đó cho ông Phùng Văn N vay để nộp thuế và nhận GCNQSDĐ tại Kho bạc Nhà nước, thời điểm này có người làm chứng là ông Phùng Văn N và bà Phạm Thúy H2.

Đến cuối năm 2023, bà Lê Thị H và bà Lê Thị H1 đến nhà của bà Nguyễn Thị L1 và nói rằng bà đã được đền bù 590.000.000 đồng, tuy nhiên nếu đưa thêm

200.000.000 đồng cho bà Lê Thị H1 thì bà sẽ được đền bù số tiền 1.171.000.000 đồng (Một tỷ, một trăm bảy mươi một triệu đồng). Do bà Nguyễn Thị L1 không có tiền nên bà H và bà H1 nói hai bà sẽ bỏ ra số tiền 200.000.000 để làm trước cho bà L1 và đưa cho bà Nguyễn Thị L1 một loạt giấy tờ để bà L1 ký, sau này bà L1 mới biết đó là giấy vay tiền.

Hai lần viết và ký giấy vay tiền, nguyên đơn bà Lê Thị H đều không đưa tiền thực tế cho bà Nguyễn Thị L1 mà chỉ đưa cho ông Phùng Văn N (con trai bị đơn) số tiền 50.000.000 đồng để ông N đi nhận GCNQSDĐ tại Kho bạc Nhà nước.

Đối với 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC446951, thửa đất số 85, tờ bản đồ số 125, diện tích 1027m² tại tổ dân phố T, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh mang tên bà Nguyễn Thị L1, thời điểm bà L1 ký giấy vay tiền thì GCNQSDĐ đang nằm ở Trung tâm hành chính công UBND thị xã K vì chính bị đơn đi nộp hồ sơ tại UBND phường H và Trung tâm hành chính công của thị xã K, không có việc bị đơn cầm cố để vay số tiền 400.000.000 đồng như Giấy vay tiền ghi và như lời trình bày của nguyên đơn.

Nay nguyên đơn bà Lê Thị H khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 400.000.000 đồng thì bị đơn chỉ đồng ý trả số tiền 50.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Đối với khoản thù lao của bà Lê Thị H1 làm thủ tục công nhận loại đất 80, bà Nguyễn Thị L1 đồng ý trả cho bà Lê Thị H1 số tiền là 100.000.000 đồng. Đối với số tiền 350.000.000 đồng còn lại theo hai Giấy vay tiền ngày 07/10/2023 và ngày 06/11/2023, bà Nguyễn Thị L1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện này. Bị đơn thừa nhận đã nhận được tiền đền bù kè Sông T.

Ngoài ra, đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh đưa bà Lê Thị H1 tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trọng vụ án và đề nghị bà Lê Thị H trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 446951 cho bà Nguyễn Thị L1.

Tại bản tự khai, tại các buổi hòa giải, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bà Lê Thị H1 trình bày:

Bà Lê Thị H1 là chị ruột của bà Lê Thị H1, bà chỉ có chứng kiến việc bà Lê Thị H và bà Nguyễn Thị L1 cùng nhau ký kết các Giấy vay tiền vào hai ngày 07/10/2023 và ngày 06/11/2023.

Cụ thể ngày 07/10/2023, bà Lê Thị H1 chứng kiến bà Lê Thị H và bà Nguyễn Thị L1 ký kết giấy vay tiền với số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), mục đích bà L1 vay để làm gì thì bà H1 không rõ. Đối với số tiền 50.000.000 đồng viết thêm vào giấy vay tiền, bà chỉ biết đó là tiền bà H cho

bà L1 vay để nộp tiền thuế về đất tại ngân hàng, bà không trực tiếp chứng kiến việc hai bên giao nhận số tiền 50.000.000 đồng này.

Tiếp đó, ngày 06/11/2023, bà Lê Thị H và bà Nguyễn Thị L1 có cùng nhau ký giấy vay nợ số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Bà Lê Thị H1 không đồng ý với yêu cầu của bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn về việc đưa bà Lê Thị H1 vào làm người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án vì quá trình bà Lê Thị H và bà Nguyễn Thị L1 thỏa thuận, vay tiền và lập các giấy vay tiền đều không liên quan đến quyền và nghĩa vụ của bà. Bà Lê Thị H1 cũng không đồng ý với việc bà Nguyễn Thị L1 đề nghị trả cho bà Lê Thị H1 số tiền 100.000.000 đồng thù lao làm thủ tục công nhận loại đất 80 vì nội dung này không liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H.

Đối với nội dung tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn, bà không liên quan, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại bản tự khai, trong quá trình quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, người làm chứng bà Lê Thị L3 trình bày:

Bà Lê Thị L3 xác nhận có chứng kiến việc nguyên đơn và bị đơn vay số tiền 200.000.000 đồng vào ngày 06/11/2023, cụ thể:

Khoảng cuối năm 2023, do nhà bà Nguyễn Thị L1 đang có nhiều người tụ tập uống rượu nên bà L1 xin ngôi nhà tại nhà của bà Lê Thị L3 để nói chuyện với bà Lê Thị H. Tại đây, bà Lê Thị H và bà Nguyễn Thị L1 lập Giấy vay tiền ngày 06/11/2023 với nội dung bà Lê Thị H cho bà Nguyễn Thị L1 vay số tiền 200.000.000 đồng. Bà Lê Thị L3 không biết rõ mục đích bà Nguyễn Thị L1 vay tiền để làm gì, các bên thỏa thuận như thế nào mà chỉ được các bên nhờ ký tên vào người làm chứng cho việc vay tiền. Sau khi được nghe đọc giấy vay tiền 03 lần thì bà Lê Thị L3 có hỏi lại bà Nguyễn Thị L1 có đồng ý về việc vay tiền không, bà Nguyễn Thị L1 trả lời là đồng ý nên bà Lê Thị L3 đã ký vào giấy vay tiền với vai trò người làm chứng. Ngoài ra, quá trình còn lại của việc vay tiền bà không chứng kiến.

Đối với tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn, bà không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa hôm nay, người làm chứng bà Phạm Thúy H2 trình bày:

Bà Phạm Thúy H2 là con dâu của bà Nguyễn Thị L1. Quá trình vay số tiền 50.000.000 đồng và quá trình lập giấy vay tiền 200.000.000 đồng theo giấy vay tiền lập ngày 07/10/2023 giữa bà Lê Thị H và bà Nguyễn Thị L1 đúng như bà L1 trình bày. Đối với giấy vay tiền lập ngày 06/11/2023, do không chứng kiến nên bà H2 không có ý kiến gì.

Đối với việc vay tiền giữa bà Nguyễn Thị L1 và bà Lê Thị H, bà H2 đồng ý với lời trình bày của bà Nguyễn Thị L1, ngoại trừ số tiền 50.000.000 đồng bà Lê Thị H đưa cho ông Phùng Văn N (con trai bà L1 và là chồng bà H2) để nộp thuế tại Kho bạc Nhà nước thì số tiền còn lại các bên vay và cho vay mục đích là để chạy đất 80 cho bà Nguyễn Thị L1, các bên chỉ ký giấy mà không nhận tiền.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kỳ Anh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý đơn, thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các quy trình, thủ tục tố tụng dân sự theo quy định, thu thập chứng cứ và thụ lý giải quyết vụ án đúng quy định. Các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS; Điều 280, Điều 466 Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH khoá 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn của bà Lê Thị H, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị L1 có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị H số tiền 400.000.000 đồng.

- Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn, xét thấy do bị đơn là người cao tuổi nên được miễn án phí DSST theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nội dung vụ án, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà **Lê Thị H** khởi kiện yêu cầu bà **Nguyễn Thị L1** trả tiền nợ đã vay tổng số tiền là 400.000.000đồng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà **Lê Thị H** là 02 giấy vay tiền lập ngày 07/10/2023 và giấy vay tiền lập ngày 06/11/2023 do bà **Lê Thị H** cung cấp có bà **Nguyễn Thị L1** ký tên bên vay và có chữ ký người làm chứng, 02 giấy vay tiền được lập thời điểm trạng thái hai bên minh mẫn, tự nguyện, không ai ép buộc hay đe dọa gì. Bà **Nguyễn Thị L1** cũng thừa nhận chữ ký bên vay trong 02 giấy vay tiền lập ngày 07/10/2023 và giấy vay tiền lập ngày 06/11/2023 là chữ ký của bà **L1**. Có đủ cơ sở xác định giữa bà **Lê Thị H** với bà **Nguyễn Thị L1** đã xác lập hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự. Bà **Nguyễn Thị L1** trình bày có ký vào 02 giấy vay tiền nhưng bản chất không phải vay số tiền 400.000.000 đồng mà thực sự chỉ vay bà **Lê Thị H** số tiền 50.000.000 đồng còn lại số tiền 350.000.000 đồng bị đơn không nhận tiền từ nguyên đơn mà là số tiền bà **Lê Thị H1** nhận để làm thủ tục công nhận loại đất 80 cho bị đơn, nhưng bà **Nguyễn Thị L1** không có chứng cứ chứng minh đồng thời phía nguyên đơn bà **Lê Thị H** cũng không thừa nhận, do đó lời trình bày của bà **Nguyễn Thị L1** không có căn cứ để chấp nhận. Hội đồng xét xử xác định bà **Nguyễn Thị L1** còn nợ bà **Lê Thị H** số tiền nợ gốc là 400.000.000đồng. Thời hạn hai bên thoả thuận trả là sau khi bà **Nguyễn Thị L1** nhận tiền đền bù bờ kè **Sông T**, tại phiên toà bà **Nguyễn Thị L1** thừa nhận đã nhận tiền đền bù.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự thì: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*”. Xét thấy bà **Nguyễn Thị L1** đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà **Lê Thị H**, buộc bà **Nguyễn Thị L1** trả cho bà **Lê Thị H** số tiền gốc là 400.000.000 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu trả tiền lãi: Trước khi mở phiên tòa, bà **Lê Thị H** rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi trên số tiền gốc 400.000.000đồng đã cho bà **L1** vay. Việc rút yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ đối với phần yêu cầu này.

Đối với việc thế chấp 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC446951, thửa đất số 85, tờ bản đồ số 125, diện tích 1027m² tại tổ dân phố T, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh mang tên bà Nguyễn Thị L1 của nguyên đơn: Xét thấy việc nhận thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn không đảm bảo thủ tục quy định của pháp luật, do vậy nguyên đơn phải trả lại cho bị đơn 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC446951, thửa đất số 85,

tờ bản đồ số 125, diện tích 1027m² tại tổ dân phố T, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh

[3]. Đối với ý kiến của bị đơn về việc đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh đưa bà Lê Thị H1 tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trọng vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình bà Lê Thị H và bà Nguyễn Thị L1 thỏa thuận, vay tiền và lập các giấy vay tiền đều không liên quan đến quyền và nghĩa vụ của bà H1. Bà Lê Thị H1 thừa nhận chứng kiến quá trình vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn, nên bà Lê Thị H1 tham gia vụ án với tư cách tố tụng là người làm chứng là phù hợp.

[4]. Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định, nhưng do bị đơn thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH khoá 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

[5]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 271, Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, Điều 463, khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị L1 trả cho bà Lê Thị H số tiền gốc 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn bà Lê Thị H có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Nguyễn Thị L1 chậm thanh toán số tiền nêu trên thì còn phải chịu thêm tiền lãi suất theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Nguyên đơn có trách nhiệm trả cho bị đơn 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC446951, thửa đất số 85, tờ bản đồ số 125, diện tích 1027m² tại **tổ dân phố T, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh.**

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà **Lê Thị H** đối với yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng.

3. Về án phí: Bị đơn bà **Nguyễn Thị L1** thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm; Trả lại cho nguyên đơn **Lê Thị H** số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014687 ngày 28/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn, bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Kỳ Anh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Chi cục THADS thị xã Kỳ Anh;
- Lưu Hồ sơ, VPTA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Văn Tư